4. Chỉ tiêu tuyển sinh đại học chính quy:

Bảng chỉ tiêu tuyển sinh tương ứng của từng mã xét tuyển/chương trình đào tạo:

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành	Tên ngành xét tuyển	Mã xét tuyển	Tên chương trình đào tạo	Chỉ tiêu (dự kiến)	Tổ hợp xét tuyển 1		Tổ hợp xét tuyển 2		Tổ hợp xét tuyển 3		Tổ hợp xét tuyển 4	
							Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính
Các chương trình đào tạo Chất lượng cao														
1	Đại học	7340301	Kế toán	ACT01	Kế toán (Chương trình Chất lượng cao)	250	A01	Toán, Tiếng Anh	D01	Toán, Tiếng Anh	D07	Toán, Tiếng Anh	D09	Toán, Tiếng Anh
2	Đại học	7340201	Tài chính – Ngân hàng	BANK01	Ngân hàng (Chương trình Chất lượng cao)	200	A01	Toán, Tiếng Anh	D01	Toán, Tiếng Anh	D07	Toán, Tiếng Anh	D09	Toán, Tiếng Anh
3	Đại học	7340201	Tài chính – Ngân hàng	BANK06	Ngân hàng và Tài chính quốc tế (Chương trình Chất lượng cao)	100	A01	Toán, Tiếng Anh	D01	Toán, Tiếng Anh	D07	Toán, Tiếng Anh	D09	Toán, Tiếng Anh
4	Đại học	7340201	Tài chính – Ngân hàng	BANK07	Ngân hàng trung ương và chính sách công (Chương trình Chất lượng cao)	50	A01	Toán, Tiếng Anh	D01	Toán, Tiếng Anh	D07	Toán, Tiếng Anh	D09	Toán, Tiếng Anh
5	Đại học	7340101	Quản trị kinh doanh	BUS01	Quản trị kinh doanh (Chương trình Chất lượng cao)	170	A01	Toán, Tiếng Anh	D01	Toán, Tiếng Anh	D07	Toán, Tiếng Anh	D09	Toán, Tiếng Anh
6	Đại học	7340115	Marketing	BUS06	Marketing số (Chương trình Chất lượng cao)	80	A01	Toán, Tiếng Anh	D01	Toán, Tiếng Anh	D07	Toán, Tiếng Anh	D09	Toán, Tiếng Anh
7	Đại học	7310101	Kinh tế	ECON02	Kinh tế (Chương trình Chất lượng cao)	100	A01	Toán, Tiếng Anh	D01	Toán, Tiếng Anh	D07	Toán, Tiếng Anh	D09	Toán, Tiếng Anh

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành	Tên ngành xét tuyển	Mã xét tuyển	Tên chương trình đào tạo	Chỉ tiêu (dự kiến)	Tổ hợp xét tuyển 1		Tổ hợp xét tuyển 2		Tổ hợp xét tuyển 3		Tổ hợp xét tuyển 4	
							Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính
8	Đại học	7340201	Tài chính – Ngân hàng	FIN01	Tài chính (Chương trình Chất lượng cao)	350	A01	Toán, Tiếng Anh	D01	Toán, Tiếng Anh	D07	Toán, Tiếng Anh	D09	Toán, Tiếng Anh
9	Đại học	7340201	Tài chính – Ngân hàng	FIN04	Hoạch định và tư vấn tài chính (Chương trình Chất lượng cao)	50	A01	Toán, Tiếng Anh	D01	Toán, Tiếng Anh	D07	Toán, Tiếng Anh	D09	Toán, Tiếng Anh
10	Đại học	7340120	Kinh doanh quốc tế	IB04	Kinh doanh quốc tế (Chương trình Chất lượng cao)	100	A01	Toán, Tiếng Anh	D01	Toán, Tiếng Anh	D07	Toán, Tiếng Anh	D09	Toán, Tiếng Anh
11	Đại học	7340122	Thương mại điện tử	IB05	Thương mại điện tử (Chương trình Chất lượng cao)	50	A01	Toán, Tiếng Anh	D01	Toán, Tiếng Anh	D07	Toán, Tiếng Anh	D09	Toán, Tiếng Anh
12	Đại học	7340405	Hệ thống thông tin quản lý	MIS02	Hệ thống thông tin quản lý (Chương trình Chất lượng cao)	50	A01	Toán, Tiếng Anh	D01	Toán, Tiếng Anh	D07	Toán, Tiếng Anh	D09	Toán, Tiếng Anh
Các chương trình đào tạo chuẩn														
13	Đại học	7340301	Kế toán	ACT02	Kế toán	60	A00	Toán	A01	Toán	D01	Toán	D07	Toán
14	Đại học	7340302	Kiểm toán	ACT04	Kiểm toán	120	A00	Toán	A01	Toán	D01	Toán	D07	Toán
15	Đại học	7340201	Tài chính – Ngân hàng	BANK02	Ngân hàng	130	A00	Toán	A01	Toán	D01	Toán	D07	Toán
16	Đại học	7340201	Tài chính – Ngân hàng	BANK03	Ngân hàng số	60	A00	Toán	A01	Toán	D01	Toán	D07	Toán
17	Đại học	7340101	Quản trị kinh doanh	BUS02	Quản trị kinh doanh	60	A00	Toán	A01	Toán	D01	Toán	D07	Toán

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành	Tên ngành xét tuyển	Mã xét tuyển	Tên chương trình đào tạo	Chỉ tiêu (dự kiến)	Tổ hợp xét tuyển 1		Tổ hợp xét tuyển 2		Tổ hợp xét tuyển 3		Tổ hợp xét tuyển 4	
							Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính
18	Đại học	7340101	Quản trị kinh doanh	BUS03	Quản trị du lịch	50	A01	Toán	D01	Toán	D07	Toán	D09	Toán
19	Đại học	7340115	Marketing	BUS07	Marketing	50	A00	Toán	A01	Toán	D01	Toán	D07	Toán
20	Đại học	7460108	Khoa học dữ liệu	DS01	Khoa học dữ liệu trong kinh tế và kinh doanh	50	A00	Toán	A01	Toán	D01	Toán	D07	Toán
21	Đại học	7310101	Kinh tế	ECON01	Kinh tế	60	A01	Toán	D01	Toán	D07	Toán	D09	Toán
22	Đại học	7340201	Tài chính – Ngân hàng	FIN02	Tài chính	100	A00	Toán	A01	Toán	D01	Toán	D07	Toán
23	Đại học	7340201	Tài chính – Ngân hàng	FIN03	Công nghệ tài chính	60	A00	Toán	A01	Toán	D01	Toán	D07	Toán
24	Đại học	7220201	Ngôn ngữ Anh	FL01	Ngôn ngữ Anh	150	A01	Toán	D01	Toán	D07	Toán	D09	Toán
25	Đại học	7340120	Kinh doanh quốc tế	IB01	Kinh doanh quốc tế	120	A01	Toán	D01	Toán	D07	Toán	D09	Toán
26	Đại học	7340120	Kinh doanh quốc tế	IB02	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	70	A01	Toán	D01	Toán	D07	Toán	D09	Toán
27	Đại học	7480201	Công nghệ thông tin	IT01	Công nghệ thông tin	100	A00	Toán	A01	Toán	D01	Toán	D07	Toán
28	Đại học	7380107	Luật kinh tế	LAW01	Luật kinh tế	100	A00	Toán	A01	Toán	D01	Toán	D07	Toán
29	Đại học	7380107	Luật kinh tế	LAW02	Luật kinh tế	150	C00	Văn	C03	Văn	D14	Văn	D15	Văn
30	Đại học	7340405	Hệ thống thông tin quản lý	MIS01	Hệ thống thông tin quản lý	70	A00	Toán	A01	Toán	D01	Toán	D07	Toán
Các chương trình đào tạo Liên kết quốc tế														
31	Đại học	7340301	Kế toán	ACT03	Kế toán (Liên kết ĐH Sunderland, Anh. Cấp song bằng)	100	A00	Toán	A01	Toán	D01	Toán	D07	Toán

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành	Tên ngành xét tuyển	Mã xét tuyển	Tên chương trình đào tạo	Chỉ tiêu (dự kiến)	Tổ hợp xét tuyển 1		Tổ hợp xét tuyển 2		Tổ hợp xét tuyển 3		Tổ hợp xét tuyển 4	
							Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính
32	Đại học	7340201	Tài chính – Ngân hàng	BANK04	Tài chính-Ngân hàng (Liên kết ĐH Sunderland, Anh Quốc. Cấp song bằng)	100	A00	Toán	A01	Toán	D01	Toán	D07	Toán
33	Đại học	7340201	Tài chính – Ngân hàng	BANK05	Ngân hàng và Tài chính quốc tế (ĐH Coventry, Cấp song bằng)	77	A00	Toán	A01	Toán	D01	Toán	D07	Toán
34	Đại học	7340101	Quản trị kinh doanh	BUS04	Quản trị kinh doanh (Liên kết với ĐH CityU, Hoa kỳ. Cấp song bằng)	150	A00	Toán	A01	Toán	D01	Toán	D07	Toán
35	Đại học	7340115	Marketing	BUS05	Marketing số (ĐH Coventry, Anh Quốc cấp bằng)	30	A00	Toán	A01	Toán	D01	Toán	D07	Toán
36	Đại học	7340120	Kinh doanh quốc tế	IB03	Kinh doanh quốc tế (ĐH Coventry, Cấp song bằng)	77	A00	Toán	A01	Toán	D01	Toán	D07	Toán
		TỔNG				**3644**								